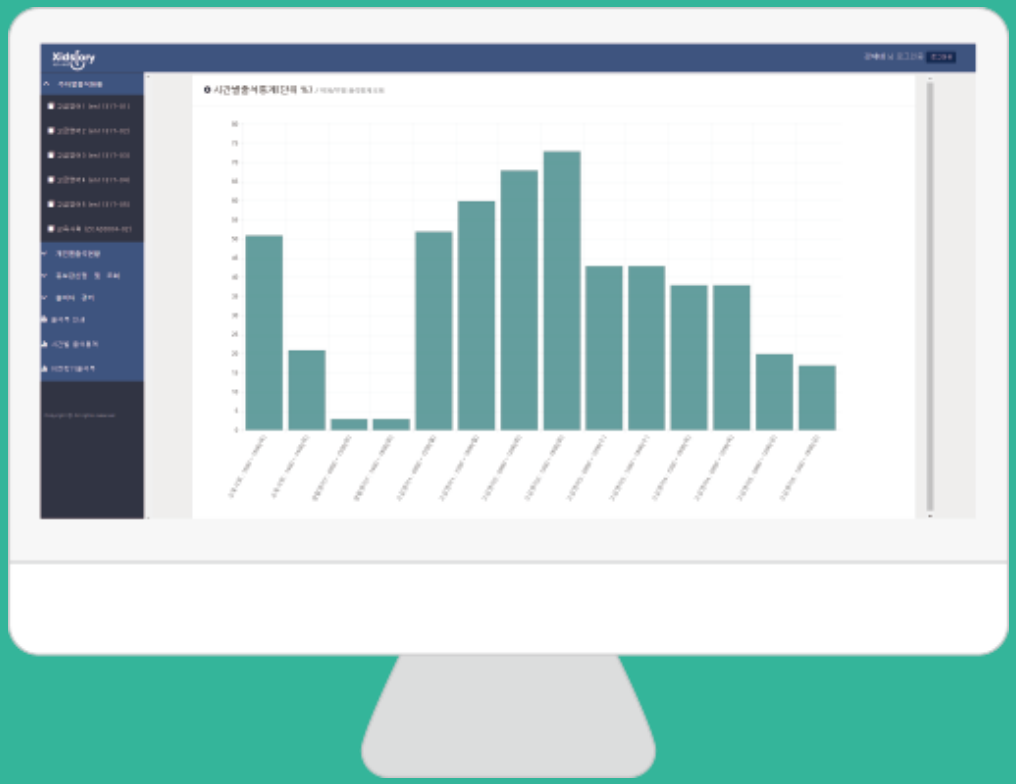
# 웹페이지 학생 메뉴얼

Trang web Hướng dẫn sinh viên



학생 페이지

trang sinh viên

https://attend-new.kwu.ac.kr/kwu/student/index.html

바로 가기

# 로그인

đăng nhập

◐ 학생 웹 페이지의 첫 화면인 로그인 화면입니다
Đây là màn hình đăng nhập, màn hình đầu tiên của trang web sinh viên..



# 학생 상세정보
# Chi tiết thông tin sinh viên

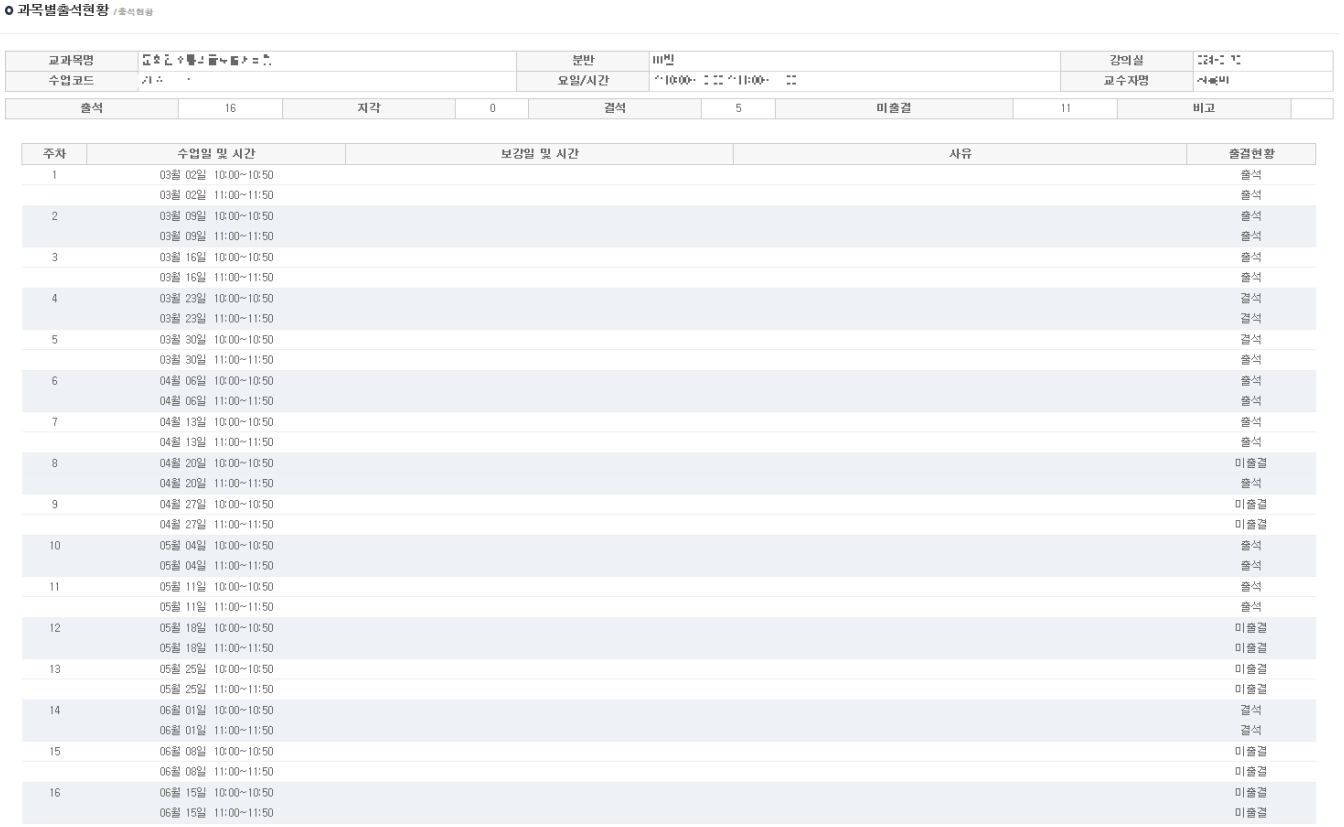
◐ 로그인에 성공하면 학생상세정보가보여집니다.
Nếu bạn đăng nhập thành công, thông tin sinh viên sẽ được hiển thị.
◐ 로그인한 학생의 이름, 학번, 학과, 상태 등 간단한 정보가 보여집니다.
Thông tin đơn giản như tên, mã số sinh viên, khoa và trạng thái của sinh viên đã đăng nhập được hiển thị.
◐ 학생상세정보메뉴를 선택해도 해당 화면을 볼 수 있습니다.
Bạn cũng có thể xem màn hình bằng cách chọn menu 'Chi tiết học sinh'.



# 과목별 출석현황 Điểm danh theo từng môn học

◐ 과목별출석현황에서과목명을 선택한 화면입니다.
Đây là màn hình mà bạn đã chọn tên khóa học từ 'Tình trạng Điểm danh theo Chủ đề'.

◐ 해당 과목의 정보 및 자신의 출석상태 확인이 가능합니다.
Bạn có thể kiểm tra thông tin khóa học và tình trạng điểm danh của bạn.



과목별출석현황 /출석현황

| 교과목명 | [illegible] | 분반 | [illegible] | 강의실 | [illegible] |
|---|---|---|---|---|---|
| 수업코드 | [illegible] | 요일/시간 | [illegible] | 교수자명 | [illegible] |

| 출석 | 16 | 지각 | 0 | 결석 | 5 | 미출결 | 11 | 비고 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

| 주차 | 수업일 및 시간 | 보강일 및 시간 | 사유 | 출결현황 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 03월 02일 10:00~10:50 | | | 출석 |
| | 03월 02일 11:00~11:50 | | | 출석 |
| 2 | 03월 09일 10:00~10:50 | | | 출석 |
| | 03월 09일 11:00~11:50 | | | 출석 |
| 3 | 03월 16일 10:00~10:50 | | | 출석 |
| | 03월 16일 11:00~11:50 | | | 출석 |
| 4 | 03월 23일 10:00~10:50 | | | 결석 |
| | 03월 23일 11:00~11:50 | | | 결석 |
| 5 | 03월 30일 10:00~10:50 | | | 결석 |
| | 03월 30일 11:00~11:50 | | | 출석 |
| 6 | 04월 06일 10:00~10:50 | | | 출석 |
| | 04월 06일 11:00~11:50 | | | 출석 |
| 7 | 04월 13일 10:00~10:50 | | | 출석 |
| | 04월 13일 11:00~11:50 | | | 출석 |
| 8 | 04월 20일 10:00~10:50 | | | 미출결 |
| | 04월 20일 11:00~11:50 | | | 출석 |
| 9 | 04월 27일 10:00~10:50 | | | 미출결 |
| | 04월 27일 11:00~11:50 | | | 미출결 |
| 10 | 05월 04일 10:00~10:50 | | | 출석 |
| | 05월 04일 11:00~11:50 | | | 출석 |
| 11 | 05월 11일 10:00~10:50 | | | 출석 |
| | 05월 11일 11:00~11:50 | | | 출석 |
| 12 | 05월 18일 10:00~10:50 | | | 미출결 |
| | 05월 18일 11:00~11:50 | | | 미출결 |
| 13 | 05월 25일 10:00~10:50 | | | 미출결 |
| | 05월 25일 11:00~11:50 | | | 미출결 |
| 14 | 06월 01일 10:00~10:50 | | | 결석 |
| | 06월 01일 11:00~11:50 | | | 결석 |
| 15 | 06월 08일 10:00~10:50 | | | 미출결 |
| | 06월 08일 11:00~11:50 | | | 미출결 |
| 16 | 06월 15일 10:00~10:50 | | | 미출결 |
| | 06월 15일 11:00~11:50 | | | 미출결 |

# 출결이의신청 및 공결신청
# Kháng cáo tham dự và xin sắc lệnh công khai

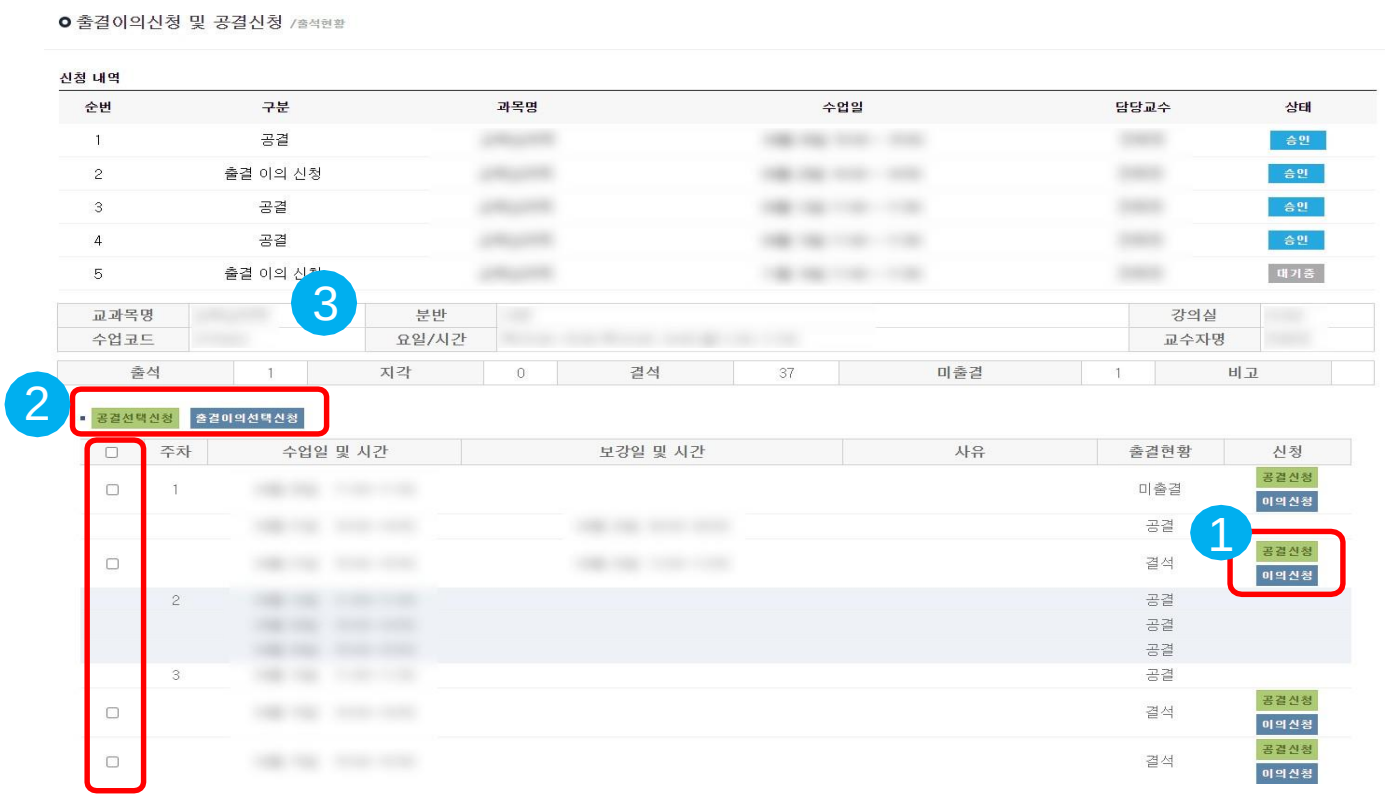
◐ 출결이의신청및 공결신청과목명을 선택한화면입니다. Đây là màn hình mà bạn đã chọn tiêu đề chủ đề là 'Khiếu nại tham dự và đăng ký nhập học chính thức'.

◐ **출결이의신청**의 경우, 학생의 출결 상태가 미출결/결석일 때 신청 가능합니다. Trong trường hợp khiếu nại điểm danh, có thể đăng kí khi tình trạng điểm danh là không đi học/vắng mặt.

◐ **공결 신청**의 경우, 보건 공결만 선택 가능합니다. Trường hợp đăng ký nghỉ có lý do, thì chỉ được chọn với lý do về sức khỏe.

◐ 한 교시에 대해서 공결신청 및 이의신청 신청할 경우 (1)과 같이 공결 신청/이의 신청 버 튼을 이용합니다. Trường hợp đăng ký khiếu nại và đăng ký nghỉ có lý do một tiết học, hãy sử dụng nút yêu cầu/khiếu nại vị trí công khai như trong (1).

◐ 여러 교시에 대해서 공결신청 및 이의신청 할 경우 (2)와 같이 여러 교시를 선택한 후 공결 신청 및 출결 이의(3)를 신청합니다. Trường hợp đăng ký nghỉ có phép hoặc đăng ký khiếu nại nhiều tiết thì chọn nhiều lớp như hình (2) rồi đăng ký công khai xin trống hoặc khiếu nại điểm danh (3).



감사합니다.
Xin trân thành cảm ơn